

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2012/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về cơ chế ưu đãi trong hoạt động
vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008,

Căn cứ Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Khánh Hòa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế ưu đãi trong hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục

trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi
hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Chiến Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về cơ chế ưu đãi trong hoạt động vận tải
khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích xây dựng cơ chế ưu đãi trong hoạt động xe buýt

1. Thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt, thu hút rộng rãi, hiệu quả các nhà đầu tư tham gia đầu tư vào hoạt động xe buýt.

2. Khuyến khích người dân sử dụng xe buýt nhằm giảm mật độ giao thông trên đường, hạn chế ách tắc giao thông và nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng giao thông đô thị, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, nâng cao cảnh quan đô thị, tiết kiệm các chi phí xã hội trong việc đi lại.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định cơ chế ưu đãi trong hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Quy định này áp dụng cho:

a) Các doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX) có Giấy phép kinh doanh vận tải ngành nghề kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

b) Các đối tượng chính sách sử dụng xe buýt, bao gồm: Mẹ Việt Nam anh hùng, thương bệnh binh, người khuyết tật nặng (đối tượng 1); Học sinh, sinh viên, người khuyết tật (đối tượng 2).

Điều 3. Quy định chung xác định tuyến xe buýt để hưởng cơ chế ưu đãi

1. Phục vụ vận chuyển khách đi lại hằng ngày bằng xe buýt từ một địa điểm này đến một địa điểm khác.

2. Đảm bảo hoạt động tối thiểu 12 giờ trong ngày, khoảng cách thời gian tối đa giữa hai chuyến là 30 phút trong nội thành, nội thị và 45 phút ở các tuyến khác.

3. Khoảng cách giữa các điểm dừng đón trả khách trong nội thành, nội thị tối đa là 700m, ngoài nội thành, nội thị tối đa là 3.000 m.

Chương II

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ĐI XE BUÝT

Kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt (phát triển vận tải công cộng) là ngành, nghề được hưởng ưu đãi đầu tư quy định tại Điều 27, Điều 28, Luật Đầu tư số 59/2005/QH11, được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

Điều 4. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng

1. Doanh nghiệp Vận tải khách công cộng bằng xe buýt thành lập từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được hưởng thuế suất ưu đãi và thời gian miễn giảm thuế theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Thuế giá trị gia tăng: Hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt thuộc đối tượng không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng được quy định tại Khoản 16 Điều 5 của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008.

Điều 5. Ưu đãi về phí cầu đường và giá dịch vụ lưu đậu xe

Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải khách công cộng bằng xe buýt được miễn phí cầu đường bộ đối với các tuyến đường do địa phương quản lý.

Giá dịch vụ lưu đậu khi chờ đón, trả khách ở các bến xe khách, bãi đỗ xe có thu phí đối với hoạt động xe buýt chỉ được tính bằng 30% so với phương tiện cùng chủng loại. Trong đó doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải khách công cộng

bằng xe buýt chi trả 50% chi phí đối với giá dịch và lưu đậu khi chờ đón, trả khách ở các bến xe khách, bãi đỗ xe có thu phí, 50% chi phí còn lại cho dịch vụ này được ngân sách hỗ trợ thanh toán.

Điều 6. Ưu đãi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, ưu đãi trong thuê đất

Ưu đãi về sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư năm 2005.

Được miễn tiền thuê đất trong thời gian thực hiện dự án (thời gian trúng thầu) đối với diện tích đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe, bến xe điểm đầu, cuối tuyến xe buýt, bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng phục vụ cho hoạt động vận tải khách công cộng (trường hợp doanh nghiệp đầu tư quản lý, khai thác).

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh có trách nhiệm xem xét, bố trí các vị trí phù hợp cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ xe buýt dựa trên quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Khánh Hòa cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thi công các điểm đầu, cuối tuyến, các điểm dừng nhà chờ, đặt biển quảng cáo, tuyên truyền về xe buýt...

Điều 7. Ưu đãi về hỗ trợ tín dụng

Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có chính sách ưu đãi về tín dụng trong đầu tư, vận hành hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 8. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng, thông tin tuyên truyền

Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt bao gồm: Bãi, bến xe đầu, cuối tuyến, điểm dừng, biển báo, nhà chờ, vạch kẻ đường, điểm trung chuyển và các công trình phụ trợ cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

1. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt do Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư hoặc do các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động xe buýt đầu tư. Cụ thể:

a) Nếu bãi đỗ xe và điểm (bến) đầu, cuối tuyến do doanh nghiệp tự đầu tư thì được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định nhưng phải nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

b) Nếu bãi đỗ xe và điểm (bến) đầu, cuối tuyến, điểm trung chuyển, điểm dừng biển báo, nhà chờ, vạch kẻ đường, được sử dụng chung cho nhiều tuyến thì Nhà nước đầu tư và quản lý, xem xét việc cho các doanh nghiệp sử dụng.

Căn cứ quy hoạch mạng lưới xe buýt và nhu cầu thực tế, Sở Giao thông - Vận tải đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt, sau khi xây dựng xong giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ vận tải Khánh Hòa quản lý (sau này sẽ thành lập Trung tâm Điều hành vận tải công cộng để quản lý). Các doanh nghiệp, Hợp tác xã kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt sử dụng cơ sở hạ tầng này.

- Đối với điểm dừng, biển báo, nhà chờ, vạch kẻ đường, điểm trung chuyển, các bãi xe điểm đầu tuyến, bãi xe điểm cuối tuyến có vị trí nội thành Nha Trang giao Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ vận tải Khánh Hòa quản lý (sau này giao cho Trung tâm điều hành vận tải công cộng quản lý).

- Đối với các bãi xe điểm đầu tuyến, bãi xe điểm cuối không thuộc nội thành Nha Trang sẽ xem xét, có thể giao cho nhà đầu tư quản lý có giới hạn thời gian.

2. Các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá phục vụ cho việc khuyến khích mọi người sử dụng phương tiện vận tải xe buýt.

Điều 9. Ủy ban nhân dân tỉnh có chính sách ưu đãi riêng đối với xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch theo quy định tại thời điểm đầu tư

Điều 10. Chính sách trợ giá, cơ chế tài chính

1. Đối với xe buýt có trợ giá:

Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng cơ chế đặt hàng hàng năm. Kinh phí trợ giá từ ngân sách của tỉnh được xác định trên nguyên tắc tổng chi phí trừ cho tổng doanh thu. Hàng quý, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra, xác định các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật làm cơ sở để cấp phát và quyết toán kinh phí trợ giá. Ủy ban nhân dân tỉnh cũng quy định mức giá vé xe buýt, bao gồm vé lượt, vé tháng, vé tập, vé cho đối tượng ưu tiên.

Hàng năm, nếu có biến động về giá cả nhiên liệu, vật tư, chi phí, tiền lương cơ bản thì Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải cùng phối hợp thẩm tra thực tế, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh mức trợ giá hoặc mức giá vé cho phù hợp.

2. Đối với xe buýt không có trợ giá:

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về mức giá vé trần đối với vé tháng, vé lượt, vé tập, và tỷ lệ vé cho đối tượng ưu tiên. Hàng năm, nếu có biến động về giá cả nhiên liệu, vật tư, chi phí, tiền lương cơ bản thì Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải cùng phối hợp thẩm tra thực tế, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh mức giá vé trần cho phù hợp.

Điều 11. Hỗ trợ cho các đối tượng chính sách đi xe buýt

1. Các đối tượng chính sách sử dụng xe buýt, bao gồm:

a) Đối tượng 1: Mẹ Việt Nam anh hùng, thương bệnh binh, người khuyết tật nặng.

b) Đối tượng 2: Học sinh các trường học trên địa bàn tỉnh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đứng chân trên địa bàn tỉnh có thời gian học từ 01 năm trở lên; người khuyết tật.

2. Mức hỗ trợ

Đối tượng 1 được miễn phí 100% khi đi xe buýt thông qua vé ưu tiên, vé ưu tiên có giá trị tương đương vé tháng: Doanh nghiệp, hợp tác xã được ngân sách hỗ trợ 100% giá trị vé ưu tiên cấp cho các đối tượng này.

Đối tượng 2 được giảm giá 50% thông qua vé tháng (1 tuyến, 2 tuyến và liên tuyến) hoặc vé tập. Mức giảm này do ngân sách hỗ trợ.

Vé tháng 1 tuyến quy đổi bằng 60 lượt, 2 tuyến bằng 80 lượt và liên tuyến bằng 100 lượt.

Giá vé tháng do doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký nhưng tính quy đổi ra giá cước một lượt đi tối đa bằng 70% vé lượt.

3. Cơ chế hỗ trợ:

Kinh phí hỗ trợ các đối tượng chính sách từ ngân sách tỉnh, thanh toán thực hiện theo mức quy đổi mỗi tháng 1 lần chậm nhất vào ngày 15 tháng tiếp theo.

Phòng Vận tải và Thanh tra Sở Giao thông vận tải giám sát, kiểm tra việc thanh toán qua vé ưu tiên.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các ngành, các cấp trong tỉnh và nhà đầu tư

1. Sở Giao thông vận tải triển khai, theo dõi, đôn đốc thực hiện quy định này; chủ trì tham gia ý kiến và hướng dẫn các nhà đầu tư khi được yêu cầu; đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh cần xử lý.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận và đề xuất xử lý hồ sơ ưu đãi đầu tư cho các nhà đầu tư; tổng hợp, đề xuất kế hoạch vốn ngân sách hỗ trợ lãi vay trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tiếp nhận, thẩm định và trình duyệt dự án đầu tư theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá cước vận chuyển xe buýt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải kiểm tra, giám sát việc thực hiện và xử lý vi phạm về lĩnh vực giá. Thực hiện việc thanh toán các khoản hỗ trợ từ ngân sách đối với hoạt động xe buýt.

4. Cục Thuế tỉnh chủ trì phối hợp các Sở, ngành liên quan tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện các ưu đãi đầu tư về thuế quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất hoặc giao đất và ưu đãi về đất đai theo qui định.

6. Nhà đầu tư thực hiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải có trách nhiệm cung ứng dịch vụ công ích theo chỉ tiêu kế hoạch đặt hàng, thực hiện đúng cam kết về số lượng, chất lượng và bán đúng giá vé do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nếu vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

7. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư phát triển vận tải khách công cộng bằng xe buýt thực hiện theo quy định này.

Điều 13. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các ngành và các nhà đầu tư phản ánh với Sở Giao thông vận tải để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Chiến Thắng